

Phụ lục số 25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng BTC)

**CÔNG TY TNHH MTV
QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: CFMCACEN230095V

TP.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Bán niên 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (CBPF)**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyên nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ: Quỹ không giới hạn về thời gian hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) : Không áp dụng

e) Chính sách phân chia lợi nhuận: Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 9.994.419,08 đơn vị quỹ

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: Không

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Công ty Quản lý Quỹ thực hiện tổ chức Đại hội Nhà đầu tư năm 2022 với các nội dung được thông qua như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm tài chính 2022.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Quỹ.
- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2022 của Quỹ, chi tiết như sau:
Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận năm tài chính 2022 và sẽ tái đầu tư toàn bộ lợi nhuận.
- Thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2023.
- Báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2022 và ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2023.

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2023	Thực tế 2022	% thay đổi
I	Thù lao	180.000.000	180.000.000	0%
II	Chi phí đi lại	0	0	0%
III	Chi phí khác	0	0	0%
	Tổng cộng	180.000.000	180.000.000	0%

- Chấp thuận ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán cho Quỹ năm tài chính 2023.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ, cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm 30/06/2023:

Tài sản đầu tư	Giá trị đến ngày 30/06/2023
Trái phiếu chưa niêm yết	0
Tiền gửi ngân hàng	1.394.381.410
Các khoản tương đương tiền	0
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	101.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	13.000.000.000
Khác	5.260.958.219
Tổng cộng	120.655.339.629

- Giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06/2023:

Chỉ tiêu	30/06/2023
Giá trị tài sản ròng của quỹ ngày 30/06/2023	120.403.919.940
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày 30/06/2023	12.047,11
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2023	9.994.419,08
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong kỳ	
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất	12.047,11
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất	11.699.38

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập):

Chỉ tiêu	30/06/2023
Tổng thu nhập của Quỹ	4.697.251.779
- Lãi suất tiền gửi được nhận trong kỳ	4.213.758.628
- Lãi suất chứng chỉ tiền gửi trong kỳ	483.493.151
- Lãi trái phiếu	0
Tổng chi phí của Quỹ	1.166.179.782
Tổng lợi nhuận của Quỹ tại ngày 30/06/2023	3.531.071.997

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận:

Trong kỳ báo cáo Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Tại thời điểm	Tại thời điểm
	30/06/2023	30/06/2022
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,96%	2,01%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục	30/06/2023	30/06/2022
Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ bán niên	0,00%	0,00%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- (i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm) là 5,20%, trong đó:

Tổng lợi nhuận	Lợi nhuận đã thực hiện (VNĐ)	Lợi nhuận chưa thực hiện (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
Trong thời hạn từ ngày 30/06/2022 đến ngày 30/06/2023	6.172.305.049	0	6.172.305.049

- (ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm) là 4,07%, trong đó

Tổng lợi nhuận	Lợi nhuận đã thực hiện (VNĐ)	Lợi nhuận chưa thực hiện (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
Trong thời hạn từ ngày 30/06/2020 đến ngày 30/06/2023	15.099.642.144	0	15.099.642.144

- (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): Không có

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá lập bởi Công ty Quản lý Quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi ngân hàng giám sát Standard Chartered bank (Vietnam) Limited.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được HNX cung cấp.

d) Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trong quá khứ chỉ mang tính chất tham khảo và không có hàm ý hay cam kết việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà Đầu Tư trong tương lai.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

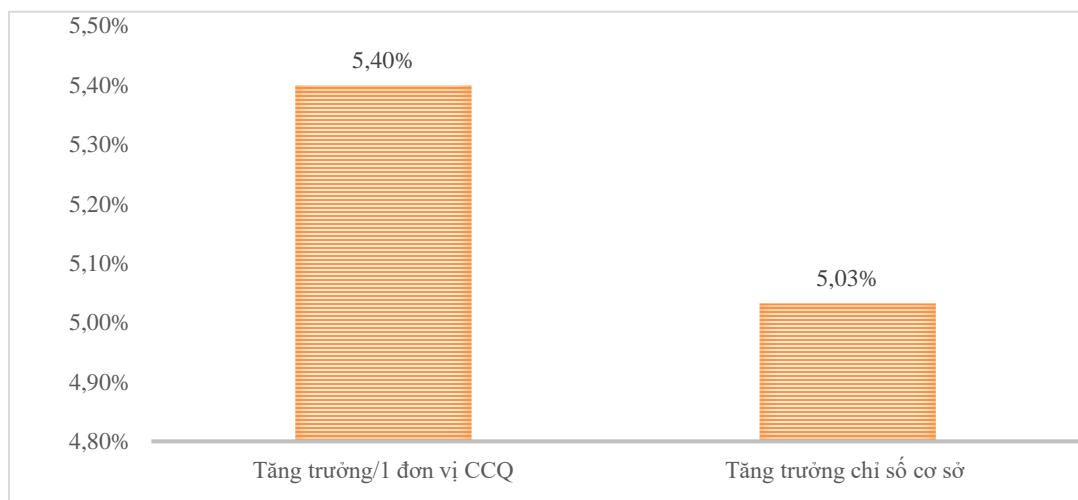
Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Quỹ vẫn đang trong quá trình tìm kiếm cơ hội đầu tư nhằm đạt được Mục tiêu đầu tư đề ra trong Bản cáo bạch Quỹ (Mục tiêu của Quỹ là tăng trưởng vốn trung và dài hạn)

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):

- Do Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này
- Chỉ số tham chiếu của Quỹ là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX. Kết quả so sánh từ ngày 30/06/2022 đến 30/06/2023 chi tiết như sau:



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

- Do Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này
- Chỉ số tham chiếu của Quỹ là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX, tuy nhiên do Quỹ mới thành lập từ ngày 03/04/2019 nên chưa đủ số liệu để so sánh cho phần này.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công

bổ tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Quỹ CBPF vẫn giữ nguyên chiến lược đầu tư đã công bố trong Bản cáo bạch Quỹ và dự kiến sẽ nâng cao tỷ trọng đầu tư vào các Trái phiếu doanh nghiệp có lợi suất cao và các chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tài chính có lãi suất tốt.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Cơ cấu danh mục đầu tư	CBPF	
	30/06/2023	30/06/2022
Trái phiếu chưa NY	0	10.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng	1.394.381.410	1.167.877.268
Các khoản tương đương tiền	0	0
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	101.000.000.000	100.800.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	13.000.000.000	0
Tài sản khác	5.260.958.219	2.625.908.220
Tổng cộng	120.655.339.629	114.593.785.488

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này và kỳ báo cáo gần nhất:

Trong kỳ báo cáo Quỹ chưa phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư

- NAV/đơn vị quỹ tại ngày 30/06/2022 là 11.429,95 VNĐ
- NAV/đơn vị quỹ tại thời điểm 30/06/2023 là 12.047,11 VNĐ tăng 5,40%

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap).

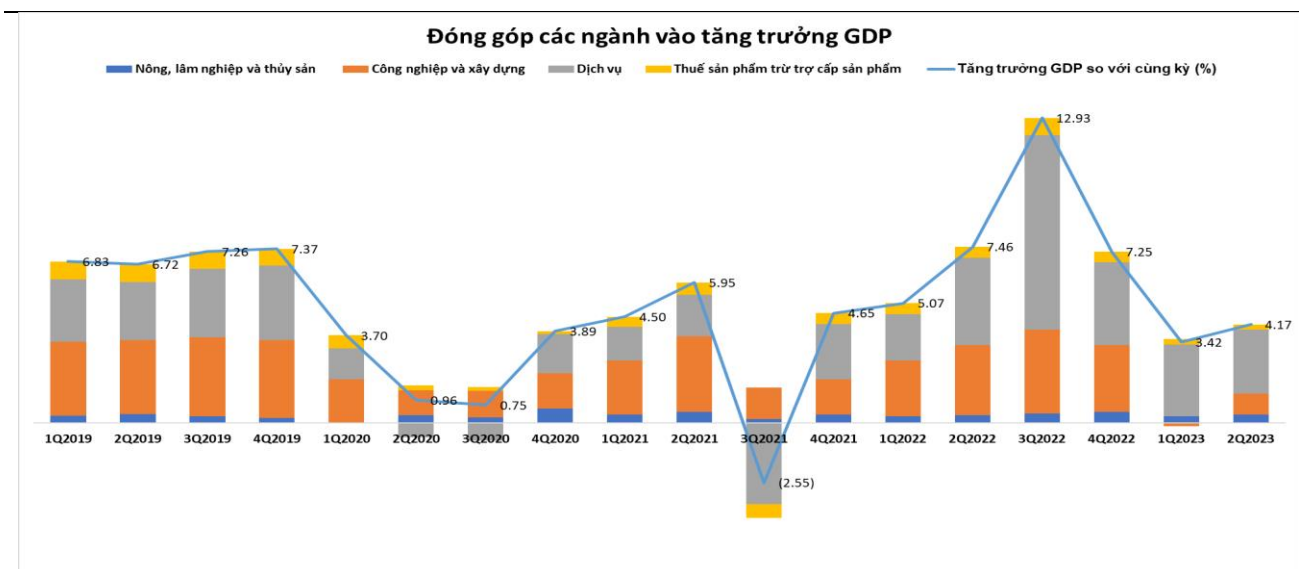
Kinh tế Vĩ mô:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP)

GDP 6 tháng đầu năm 2023 tăng 3,72%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 1,74% của 6 tháng đầu năm 2020 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,07%, đóng góp 9,28%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 1,13%, đóng góp 11,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,33%, đóng góp 78,85%. Trong đó:

- Nông nghiệp: Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 tăng 3,14% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,27 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,43% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 2,77%, đóng góp 0,07 điểm phần trăm.
- Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 tăng 0,44% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2023, đóng góp 0,15 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,37%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1,79%, đóng góp 0,07 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 1,43%, làm giảm 0,05 điểm phần trăm trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng tăng 4,74%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 0,07%, 2,54% và 4,19% của cùng kỳ các năm 2011, 2012, 2022 trong giai đoạn 2011-2023, đóng góp 0,31 điểm phần trăm.
- Các chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa, các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch được đẩy mạnh đã góp phần duy trì tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ 6 tháng đầu năm 2023 tăng 6,33% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 1,18% và 4,53% của cùng kỳ các năm 2020 và năm 2021. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,49% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,88 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 7,18%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,13%, đóng góp 0,4 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 15,14%, đóng góp 0,37 điểm phần trăm.

Hình 1: Tăng trưởng GDP theo từng quý qua các năm



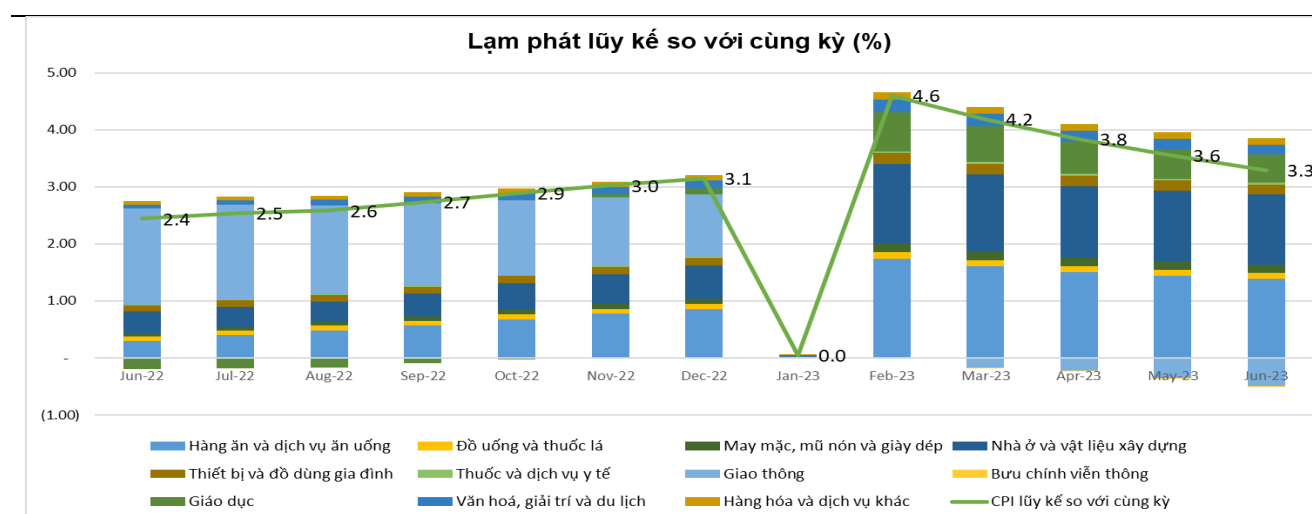
Lạm phát

Về sức cầu trong nước, dữ liệu ước tính sơ bộ từ Tổng cục Thống kê cho thấy doanh số bán lẻ nửa đầu năm 2023 (+10,9% YoY theo số danh nghĩa và 8,9% YoY theo số thực tế) có xu hướng giảm dần qua từng tháng trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu yếu đi khiến nhu cầu tiêu dùng chậm lại.

Lạm phát toàn phần tháng 6 tăng 0,27% so với tháng trước đến từ giá thịt lợn tăng gần đây (+3,16%) và việc tăng giá điện dần thể hiện trong hóa đơn hộ gia đình. Tuy nhiên, lạm phát toàn phần vẫn có xu hướng giảm, xuống còn 3,29% YoY trong 6 tháng đầu năm, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4,5% YoY của chính phủ. Về lạm phát lõi, chúng ta vẫn thấy mức tăng 4,74% so với cùng kỳ năm ngoái do chi phí lưu trữ cao.

Lạm phát cơ bản vẫn ở mức cao. Trong khi chính phủ phản ứng khá tích cực với các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng, chúng tôi tin rằng chính sách tiền tệ đóng vai trò chủ chốt, do đó tác động đến lạm phát có thể sẽ có diễn biến tiêu cực trong năm sau.

Hình 2: Lạm phát Việt Nam trong 12 tháng gần nhất



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 8,8 tỷ USD, tăng 99,5% so với cùng kỳ năm 2022; kim ngạch nhập khẩu dịch vụ ước đạt 12,9 tỷ USD (trong đó đã tính trong phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm của hàng hóa nhập khẩu là 3,8 tỷ USD), giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước. Nhập siêu dịch vụ 6 tháng đầu năm 2023 là 4,1 tỷ USD.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 152,2 tỷ USD, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong 6 tháng đầu năm 2023 có 28 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 84,4% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 2 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 38,1%).

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 44,2 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 50,1 tỷ USD.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt 37,2 tỷ USD giảm 24,9% so với cùng kỳ năm trước; xuất siêu sang EU ước đạt 14,5 tỷ USD, giảm 9,8%; xuất siêu sang Nhật Bản 1,2 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 0,7 tỷ USD); nhập siêu từ Trung Quốc 24,5 tỷ USD, giảm 30,9%; nhập siêu từ Hàn Quốc 13,4 tỷ USD, giảm 34,8%; nhập siêu từ ASEAN 4 tỷ USD, giảm 39,1%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 12,25 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,2 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 9,81 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 22,06 tỷ USD.

Hoạt động đầu tư

Ước tính 6 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.357,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện của khu vực nhà nước tăng 12,6% cho thấy sự quyết tâm nỗ lực của Chính phủ, bộ ngành và địa phương trong việc quyết liệt đẩy mạnh thực hiện nguồn vốn đầu tư công nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cả trong ngắn hạn và dài hạn.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 13,4 tỷ USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 10,02 tỷ USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

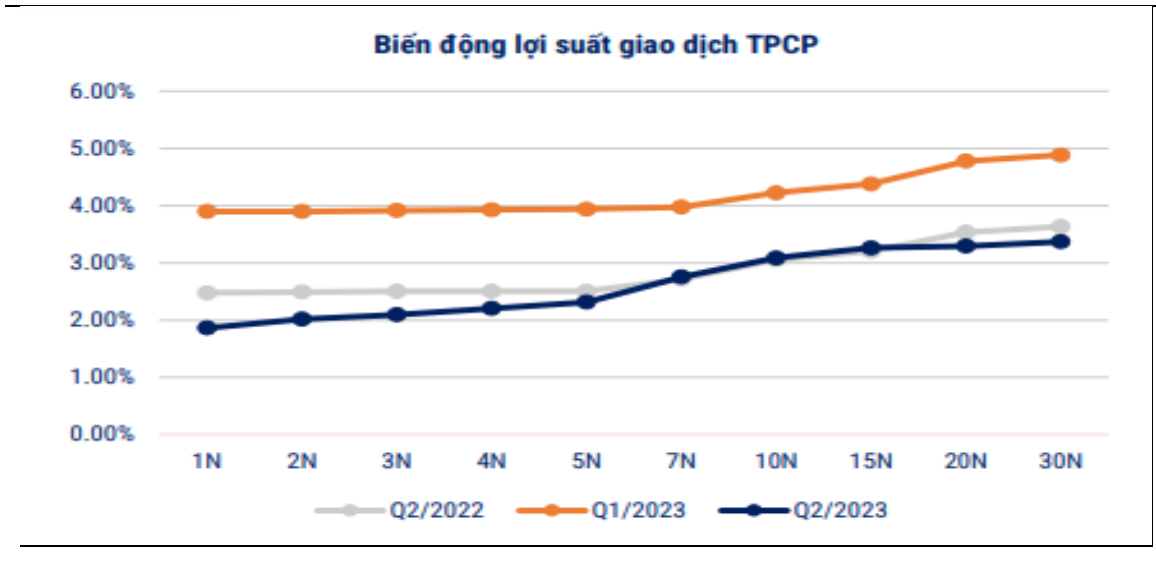
Thị trường chứng khoán:

Thị trường chứng khoán Quý 2/2023 có diễn biến lên xuống liên tục với các nhịp tăng giảm ngắn hạn, VNIndex đóng cửa tăng 5.2% so với cuối Quý 1/2023. Kết thúc nửa đầu năm 2023, VNIndex đóng cửa với mức tăng 11.2% so với cùng kỳ, trong khi giá trị giao dịch giảm 44.6% so với cùng kỳ. Thị trường có biến động tương quan chặt chẽ với diễn biến mặt bằng lãi suất tiền gửi của nhóm ngân hàng quốc doanh, và được hỗ trợ bởi kỳ vọng xu hướng hạ lãi suất tiếp diễn trong thời gian tới.

Thị trường trái phiếu

Tháng đầu năm, Kho bạc phát hành 179,892 tỷ đồng, hoàn thành 44.97% kế hoạch năm 2023. Tốc độ phát hành đã chậm lại trong Quý 2, tuy nhiên tổng khối lượng phát hành trong 6 tháng đầu năm vẫn ở mức khá tốt. Tăng trưởng đầu tư công có tín hiệu tích cực. Do đó, áp lực phát hành trong thời gian tới của Kho bạc Nhà nước mặc dù không quá lớn nhưng có thể vẫn sẽ tăng nếu đầu tư công có bứt phá. Dự báo, thời gian tới Kho bạc Nhà nước sẽ tiếp tục cân đối khối lượng phát hành phù hợp với khả năng hấp thụ của thị trường với mức trung bình quanh 5,000 – 6,000 tỷ đồng mỗi phiên, có thể tổ chức phiên phát hành bổ sung nếu thị trường có nhu cầu.

Hình 2: Đường cong lợi suất



Nguồn: VBMA

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát:

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Chubb Life trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (“CBPF” hoặc “Quỹ”) đối với các nội dung sau:

- Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.
- Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.
- Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Theo Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành; tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy

định của pháp luật (nếu có) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Trong kỳ, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

- d. Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật có liên quan.
- e. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.
- f. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Các dịch vụ Lưu ký tài sản của Quỹ, dịch vụ Giám sát, dịch vụ Quản trị Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Ban Vietnam Limited. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Chi tiết chi phí như sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chi phí hoạt động Quỹ mở	Kỳ báo cáo 01/01/2023 – 30/06/2023	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động
1 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	213.675.000	6,05%	18,32%
2. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000	1,87%	5,66%

b) Các hoạt động ủy quyền này không ảnh hưởng tới lợi nhuận và mức độ rủi ro của quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Tổng chi phí trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD) cho dịch vụ ủy quyền là: 279.675.000 VNĐ

Bên nhận ủy quyền	Số tiền
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	213.675.000
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD)	66.000.000
Tổng cộng (VNĐ)	279.675.000

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư:

Theo ghi nhận của Công ty Quản lý quỹ, bên nhận Ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa...bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.

TP.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch Công ty quản lý quỹ

Bùi Thanh Hiệp